

trang bị cơ sở vật chất đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn.

5. Số tiền còn lại, sau khi đã trừ số trích để chi cho các đơn vị tham gia trực tiếp nêu trên, Sở Tài chính - Vật giá thực hiện cấp phát kinh phí cho các mục đích chi theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở tham mưu của Ban An toàn giao thông của tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành; đồng thời thay thế cho Thông tư số 09/TC-CSTC ngày 02 tháng 2 năm 1996 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc sử dụng tiền thu về xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

2. Sở Tài chính - Vật giá, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện quản lý và cấp phát kinh phí ngân sách từ tiền thu phạt hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông kịp thời cho các lực lượng của địa phương tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông theo đúng các tỷ lệ quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

THÔNG TƯ số 49/1999/TT-BTC ngày 06/5/1999 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động cho thuê tài chính.

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10/5/1997;

Căn cứ Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành về cho thuê tài chính và đặc thù của tài sản thuê tài chính, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động cho thuê các tài sản này như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm các công ty cho thuê tài chính và các doanh nghiệp cho thuê tài chính thành lập theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là bên cho thuê tài chính) và các doanh nghiệp đi thuê tài chính theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về cho thuê tài chính, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế.

2. Tài sản thuê tài chính là tài sản mà bên cho thuê tài chính dùng vào dịch vụ cho thuê tài chính. Tài sản này được hình thành từ việc nhập khẩu hoặc mua trong nước. Đối với tài sản nhập khẩu, bên cho thuê tài chính là đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu. Đối với tài sản mua trong nước, bên cho thuê tài chính gián tiếp nộp thuế giá trị gia tăng thông qua việc thanh toán tài sản mua. Dịch vụ cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật là dịch vụ tín dụng trung, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài sản giữa bên cho thuê với bên đi thuê. Doanh thu cho thuê tài chính không thuộc diện chịu thuế giá trị gia

tăng bao gồm tiền thu cho thuê tài chính, phí cam kết sử dụng vốn, giá trị mua lại (trường hợp bên thuê mua lại tài sản thuê vào cuối kỳ hạn thuê theo giá danh nghĩa).

3. Thuế giá trị gia tăng của tài sản thuê tài chính do bên cho thuê tài chính đã nộp sẽ được bên đi thuê trả dần trên cơ sở hợp đồng thuê tài chính.

4. Thông tư này không áp dụng đối với dịch vụ cho thuê tài sản thông thường.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Đối với bên cho thuê:

a) Bên cho thuê tài chính là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ cho thuê tài chính, nhưng tài sản mua vào hoặc nhập khẩu dùng để cho thuê đã nộp thuế giá trị gia tăng thì sẽ được bên đi thuê trả dần cho bên cho thuê, bên cho thuê phải thực hiện đầy đủ các quy định sau:

- Tài sản bên cho thuê tài chính khi mua để cho thuê phải có hóa đơn giá trị gia tăng, hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

- Trong hợp đồng cho thuê tài chính phải quy định rõ tiền thuê, thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thanh toán, thời hạn thuê, chu kỳ thanh toán.

Đối với tài sản bên cho thuê nhập khẩu về để cho thuê tài chính mà tài sản này thuộc danh mục hàng hóa không chịu thuế giá trị gia tăng hàng nhập thì bên cho thuê không phải nộp thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu.

b) Bên cho thuê tài chính khi thực hiện dịch vụ cho thuê tài chính được sử dụng chứng từ sau:

- Bên cho thuê tài chính xuất hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính. Hóa đơn phải đảm bảo các nội dung quy định và phải đăng ký sử dụng sau khi có văn bản chấp thuận của Tổng cục Thuế. Việc

xuất hóa đơn thực hiện theo thời gian trả tiền quy định trong hợp đồng (có thể theo tháng; hoặc quý), song để đơn giản thủ tục viết hóa đơn các bên cho thuê được phép tập hợp viết hóa đơn 2 lần trong một năm tài chính (vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm hoặc vào thời điểm chuyển quyền sở hữu);

- Khi lập hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính, bên cho thuê phải ghi đầy đủ các yếu tố quy định trên hóa đơn. Riêng cột thuế giá trị gia tăng (kỳ này) được xác định theo nguyên tắc phân bổ đều số thuế giá trị gia tăng đã nộp của tài sản cho thuê tương ứng với thời gian thuê.

Ví dụ: Công ty cho thuê tài chính A có tài sản cho xí nghiệp X thuê, trong hóa đơn giá trị gia tăng có ghi số thuế là 360 triệu đồng. Giả định:

+ Thời hạn cho thuê theo hợp đồng: 3 năm. Từ ngày 01 tháng 2 năm 1999 đến ngày 01 tháng 2 năm 2002.

+ Chu kỳ thanh toán: ngày 01 hàng tháng

Theo ví dụ này, thuế giá trị gia tăng được tính từng tháng là: 360.000.000 đồng: 36 tháng = 10.000.000 đồng. Công ty cho thuê tài chính A viết hóa đơn cho xí nghiệp X ghi số thuế giá trị gia tăng như sau:

Kỳ 1: Vào tháng 6 năm thứ nhất sẽ khấu trừ số thuế 5 tháng (từ tháng 2 đến tháng 6) là:	10.000.000 đồng x 5 = 50.000.000 đồng
Kỳ 2: Tháng 12 năm thứ nhất (1999):	10.000.000 đồng x 6 = 60.000.000 đồng
Kỳ 3: Tháng 06 năm thứ hai:	10.000.000 đồng x 6 = 60.000.000 đồng
Kỳ 4: Tháng 12 năm thứ hai (2000):	10.000.000 đồng x 6 = 60.000.000 đồng
Kỳ 5: Tháng 06 năm thứ ba:	10.000.000 đồng x 6 = 60.000.000 đồng
Kỳ 6: Tháng 12 năm thứ ba (2001):	10.000.000 đồng x 6 = 60.000.000 đồng
Kỳ 7: Tháng 01 năm 2002:	10.000.000 đồng x 1 = 10.000.000 đồng
Cộng lũy kế (36 tháng):	360.000.000 đồng

- Khi xuất hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

+ Tài sản cho thuê khi mua phải có hóa đơn giá trị gia tăng hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng và phải phân bổ đều theo quy định nêu trên.

+ Tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trong hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính của bên cho thuê

phải khớp với số tiền ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng khi công ty cho thuê mua tài sản.

+ Trường hợp khi mua tài sản không có thuế giá trị gia tăng, hoặc không có hóa đơn giá trị gia tăng hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật thì không được phản ánh thuế giá trị gia tăng vào hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính.

2. Đối với bên đi thuê:

Bên đi thuê ngoài việc trả tiền thuê còn phải trả tiền thuế giá trị gia tăng mà bên cho thuê đã thanh toán với người cung cấp tài sản. Căn cứ hóa đơn bên cho thuê xuất, bên đi thuê thực hiện hạch toán phần thuế giá trị gia tăng đã trả cho bên cho thuê vào tài khoản khấu trừ thuế.

3. Quy định về quản lý hóa đơn:

a) Bên cho thuê chịu trách nhiệm quản lý hóa đơn giá trị gia tăng khi mua tài sản mà những tài sản này dùng vào việc cho thuê. Trường hợp bên cho thuê trực tiếp nhập khẩu hàng hóa thì bên cho thuê phải quản lý biên lai nộp thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (nếu có). Các chứng từ này sẽ được chuyển giao cho doanh nghiệp đi thuê tài chính sau khi khấu trừ hết số thuế giá trị gia tăng và chuyển quyền sở hữu cho người đi thuê khi kết thúc hợp đồng cho thuê tài chính.

b) Trường hợp bên thuê không thực hiện hợp đồng dẫn đến việc bên cho thuê phải thu hồi tài sản: bên cho thuê phải gửi thông báo cho bên đi thuê trong đó xác định rõ số thuế giá trị gia tăng đã được trả, số thuế giá trị gia tăng còn lại chưa trả. Thông báo này được lập thành 03 bản: 1 bản gửi bên đi thuê, 2 bản lưu bên cho thuê. Trường hợp tiếp tục cho thuê tài chính tài sản này thì bên cho thuê giữ lại 1 bản còn chuyển cho bên đi thuê 1 bản. Trong hợp đồng thuê mới, số thuế giá trị gia tăng còn lại do người đi thuê trước chưa trả hết sẽ được bên đi thuê sau trả tiếp và được hạch toán vào tài khoản khấu trừ thuế. Phương

pháp phát hành hóa đơn tương tự như quy định tại điểm b, mục II.1 Thông tư này.

Trường hợp bên cho thuê tài chính không cho bên thứ 3 thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính mà bán tài sản thì phải nộp thuế giá trị gia tăng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính quy định bên đi thuê chỉ thuê hết một phần giá trị tài sản, sau đó mua lại tài sản thì bên cho thuê quản lý hóa đơn mua tài sản cho thuê đến khi làm thủ tục bán tài sản. Số thuế giá trị gia tăng còn lại (số thuế trên hóa đơn trừ (-) số thuế đã trả) sẽ được khấu trừ tiếp phần thuế giá trị gia tăng giống như trường hợp mua trực tiếp tài sản có định có thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Chứng từ để được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp đi thuê khi mua lại tài sản gồm: hóa đơn giá trị gia tăng mua tài sản (mua trong nước) hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng (nhập khẩu) của bên cho thuê tài chính chuyển giao, hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính tại thời điểm bên mua mua lại tài sản. Số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tiếp khi bên thuê mua lại tài sản theo phương thức cho thuê tài chính bằng (=) thuế giá trị gia tăng trên hóa đơn bên cho thuê chuyển giao trừ (-) thuế giá trị gia tăng đã nộp trên hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính (mục 3, cột lũy kế).

d) Trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính bên cho thuê và bên đi thuê cùng bỏ vốn mua máy móc thiết bị, sau đó bên cho thuê chỉ thu tiền thuê (vốn và lãi) tương ứng với phần vốn bỏ ra thì hóa đơn mua tài sản cho thuê được bên cho thuê quản lý cho đến khi chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Số thuế giá trị gia tăng tương ứng với phần vốn mà bên đi thuê bỏ ra sẽ được tính vào hóa đơn thu tiền lần thứ nhất khi bên cho thuê cấp.

e) Trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính đã thực hiện xong và số thuế giá trị gia tăng đã được

bên đi thuê trả hết, hai bên thỏa thuận thuê tiếp thì việc xuất hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính sẽ không phản ánh thuế giá trị gia tăng.

4. Xử lý vi phạm:

Nghiêm cấm việc lợi dụng hình thức cho thuê tài chính để gây thất thu cho Ngân sách nhà nước. Mọi hành vi vi phạm các quy định tại Thông tư này đều được xử lý theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng, các văn bản pháp quy hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký, nhưng áp dụng đối với các hợp đồng ký từ ngày 01 tháng 1 năm 1999. Các vấn đề khác không hướng dẫn trong Thông tư này được thực hiện theo Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản pháp quy hướng dẫn bổ sung sửa đổi Luật Thuế giá trị gia tăng hiện hành khác.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG